

Số: 806 /TB-TTBVTV-KT

Đồng Nai, ngày 09 tháng 10 năm 2018

THÔNG BÁO

Tình hình sinh vật gây hại 7 ngày
(Từ ngày 04/10 – 10/10/2018)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

1. Thời tiết trong tuần

- Nhiệt độ: Trung bình: 26,5 – 27,8°C; Cao nhất: 34,5°C; Thấp nhất: 22,2°C.
- Ẩm độ: Trung bình: 80 – 85%; Thấp nhất: 57%.
- Tổng số giờ nắng: 53 – 72 giờ. Lượng mưa: 65 - 192 mm.

Thời tiết: Mây thay đổi đến nhiều mây, ngày nắng gián đoạn, trưa chiều có mưa rải rác đến nhiều nơi, rải rác có mưa vừa, mưa to.

Mưa lớn làm ảnh hưởng đến một số diện tích rau ăn lá, rau bị dập nát, sinh trưởng và phát triển chậm. Ngoài ra mưa lớn cũng gây ngập úng cục bộ 20 ha lúa mới gieo sạ tại huyện Xuân Lộc.

Các loại cây trồng sinh trưởng và phát triển bình thường.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

Cây lúa: Xuống giống 21.808 ha/25.233 ha. Lúa đang ở các giai đoạn: mạ (5.682 ha), đẻ nhánh (12.919 ha), đòng (3.207).

Các giống chủ yếu là: OM 7347, OM 4900, VD 20, MTL 110, Đài thom 8, ...

Cây trồng khác

Cây trồng	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)
Bắp	Cây con, phát triển thân lá	15.385/17.709
Rau các loại	Các giai đoạn	4.705
Cây có múi	Các giai đoạn	6.936
Chôm chôm	Các giai đoạn	10.415
Xoài	Ra lộc, bông	11.833
Chuối	Các giai đoạn	5.762
Sầu riêng	Ra lộc	3.797
Tiêu	Nuôi trái	17.087
Đào	Ra lộc	38.888
Cao su (tiểu điền)	Khai thác	14.568
Cà phê	Nuôi trái	17.172
Khoai mì	Phát triển củ	10.826

II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI (SVH) 7 NGÀY QUA

1. Trên cây lúa: Các SVH chủ yếu là ốc bươu vàng (OBV) DTN 775 ha giảm 75 ha, bệnh đạo ôn lá DTN 211 ha tăng 26 ha do điều kiện thời tiết âm u, giờ nắng trong ngày ít, có mưa rải rác tạo điều kiện cho bệnh phát triển.

2. Cây trồng khác

- Cây bắp, rau màu: DTN các SVH ở mức nhẹ.

- Cây ăn quả:

+ Cây có múi: Giai đoạn ra lộc lá non, sâu vẽ bùa DTN 284 ha giảm 10 ha, nhện nhor121 ha tăng 33 ha.

+ Sầu riêng: Bệnh xì mù DTN 411 ha giảm 11 ha, bệnh nấm hồng DTN 239 ha tăng 6 ha, bệnh cháy lá chết đọt DTN 334 tăng 9 ha.

+ Xoài: Bệnh thán thư DTN 360 ha giảm 180, sâu đục cành DTN 155 ha giảm 11 ha do nông dân phòng trừ hiệu quả.

- Cây công nghiệp:

+ Cây hồ tiêu: Bệnh thán thư DTN 987 ha giảm 30 ha, bệnh chết chậm DTN 954 ha tăng 7 ha do phòng trừ bệnh hiệu quả.

+ Cây điều: Sâu đục thân, cành DTN 420 ha tăng 4 ha, bệnh thán thư DTN 288 ha tăng 3 ha, bệnh nấm hồng DTN 115 ha tăng 3 ha.

+ Cây mì:

Bọ phấn DTN 412 ha tăng 36 ha so với kì trước; Bệnh khảm lá virus DTN 321,5 ha giảm 6,7 ha do nông dân tiêu hủy diện tích nhiễm nặng theo khuyến cáo của các cơ quan chức năng. Mức độ nhiễm: 48,4 ha nhiễm nhẹ, 103,8 ha nhiễm trung bình, 169,3 ha nhiễm nặng.

Bệnh thán thư DTN 170 ha giảm 30 ha, đốm nâu 130 ha giảm 50 ha.

III. DỰ KIẾN TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI

Với điều kiện thời tiết và giai đoạn sinh trưởng của các loại cây trồng trong kỳ, cần chú ý các đối tượng SVH sau:

- Cây lúa: Ốc bươu vàng, Rầy nâu, VL – LXL, bệnh bạc lá (cháy bìa), đạo ôn.

- Cây rau: Sâu tơ, bệnh đốm vàng, bệnh sương mai, bệnh thối nhũn.

- Cây ăn quả: Bệnh xì mù, bệnh nấm hồng (sầu riêng); bệnh cháy gôm, sâu vẽ bùa (cây có múi); bệnh thán thư, sâu đục thân, cành (xoài).

- Cây công nghiệp: Bệnh thán thư, tuyến trùng, bệnh chết nhanh, chết chậm (hồ tiêu); bệnh nấm hồng, bệnh thán thư (điều); bệnh xì mù, nấm hồng (cao su); bọ phấn, bệnh khảm lá, thán thư, đốm nâu (mì).

IV. ĐỀ NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Khuyến cáo nông dân áp dụng quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc phù hợp từng giai đoạn phát triển của cây, thường xuyên thăm đồng phát hiện kịp thời các SVH, xử lý kịp thời.

- Cây lúa: Chú ý theo dõi diễn biến các đối tượng sâu bệnh trên lúa để có biện pháp phòng chống kịp thời. Tăng cường theo dõi diễn biến rầy nâu và kiểm tra tỉ lệ rầy mang mầm bệnh trên các trà lúa nhằm hạn chế rầy nâu di trú truyền virus gây bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá.

- Cây mì: Tăng cường điều tra, phát hiện diện tích nhiễm bệnh khảm lá. Tiến hành phun thuốc trừ bọt phấn trắng trên cây mì và khoanh vùng diện tích bị nhiễm tiêu hủy tránh lây lan sang diện rộng. Thực hiện tốt công văn số 3646/SNN-TTBVTV, ngày 01/10/2018 về việc triển khai chỉ đạo của UBND tỉnh về thực hiện Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn.

- Tuyên truyền, tập huấn cho nông dân cách nhận biết và các biện pháp phòng chống bệnh theo quy trình của Cục BVTV nhằm hạn chế gia tăng diện tích, tỷ lệ sâu bệnh hại trên cây trồng,

Các trạm Trồng trọt và BVTV huyện, liên huyện tiếp tục thực hiện thông báo về dự tính, dự báo sâu bệnh hại trên các loại cây trồng; tuyên truyền, hướng dẫn các biện pháp phòng chống sâu bệnh tổng hợp cho nông dân, báo cáo về Chi cục để xem xét chỉ đạo. /.

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV phía Nam (Email);
- Sở NN và PTNT (Báo cáo);
- Chi cục trưởng và các Phó Chi cục trưởng (Email);
- Các trạm Trồng trọt và BVTV (Email);
- Phòng quản trị mạng (đăng trang web);
- Lưu: VT, KT.



Trần Thị Tú Oanh



DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH
(Từ ngày 04/10 đến ngày 10/10/2018)

Cây trồng	Tên SVGH	GDST	Mật độ/Tỷ lệ		Diện tích nhiễm (ha)				Mất trắng	Số kỳ trước (+/-)	Số CKNT (+/-)	DT P. trừ	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng					
Cây có múi	Sâu vẽ bùa	Ra lộc-lá non	3 - 10		284	0	0	284	0	-10.0	36.0	129	Định Quán, Xuân Lộc, Tân Phú, TX Long Khánh, Trảng Bom, Vĩnh Cửu
	Nhện nhỏ	Ra lộc-lá non	5 - 10		121	0	0	121	0	33.0	92.0	119	Định Quán, Vĩnh Cửu, Tân Phú
	Bệnh sọc	Ra lộc-lá non	5 - 8		51,5	0,5	0	52	0	1.0	26.0	23	Định Quán, Tân Phú, Trảng Bom
Chôm chôm	Bệnh cháy mép lá	Các giai đoạn	10		70	0	0	70	0	-16.0	7.0	0	Cẩm Mỹ
Chuối	Bệnh đóm lá VK	Các giai đoạn	8 - 10		79	0	0	79	0	-27.0	-121.0	7	Trảng Bom, Thống Nhất
	Rệp muội		10		17	0	0	17	0	17.0	17.0	10	Thống Nhất
Nhãn	Bệnh chổi rồng nhãn	Chăm sóc	7		40	0	0	40	0	5.0	5.0	10	Xuân Lộc
	Bệnh cháy gôm	Các giai đoạn	3 - 10		411	0	0	411	0	-11.0	101.0	119	Cẩm Mỹ, Tân Phú, TX Long Khánh, Thống Nhất, Long Thành
Sầu riêng	Bệnh cháy lá, chết đọt	Các giai đoạn	5 - 10		334	0	0	334	0	9.0	145.0	104	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Thống Nhất, TX Long Khánh, Tân Phú, Long Thành
	Bệnh nám hồng	Các giai đoạn	10 - 15		239	0	0	239	0	6.0	112.0	101	Cẩm Mỹ, Tân Phú, TX Long Khánh
	Rầy bông	Các giai đoạn	10		172	0	0	172	0	5.0	20.0	155	Tân Phú, TX Long Khánh, Long Thành
	Ốc sên	Các giai đoạn	2 - 3		90	0	0	90	0	0.0	90.0	30	Xuân Lộc
Thanh Long	Bệnh đóm nâu	Các giai đoạn	2 - 3		30	0	0	30	0	-67.0	-137.0	30	Xuân Lộc
Xoài	Bệnh thán thư	Ra bông	5 - 7		360	0	0	360	0	-180.0	28.0	150	Định Quán, Xuân Lộc, Vĩnh Cửu

	Sâu đục cành	Các giai đoạn	5		155	0	0	155	0	-11.0	145.0	0	Định Quán
	Sâu đục thân	Ra bông	10		100	0	0	100	0	0.0	100.0	20	Xuân Lộc
Cà phê	Bệnh gi sắt	Nuôi trái	15 - 20		646	6	0	652	0	-23.0	-60.0	29	Cầm Mỹ, Trảng Bom, Định Quán, Tân Phú
	Bệnh khô cành	Nuôi trái	5 - 13		443	3	0	446	0	6.0	107.0	11	Cầm Mỹ, Định Quán, Xuân Lộc, Trảng Bom, TX Long Khánh, Thống Nhất
	Bệnh đốm mắt cua	Nuôi trái	15		438	2	0	440	0	3.0	173.0	0	Cầm Mỹ, Trảng Bom
	Rệp sáp	Nuôi trái	13 - 15		246	1	0	247	0	11.0	-57.0	40	Xuân Lộc, Cầm Mỹ, Tân Phú, Trảng Bom, Thống Nhất
	Bệnh nấm hồng	Nuôi trái	15		137	0	0	137	0	-8.0	49.0	25	Cầm Mỹ, Định Quán, Tân Phú
	Cao su	Bệnh phấn trắng	Các giai đoạn	13		461	0	0	461	0	0.0	210.0	0
Bệnh nấm hồng		Các giai đoạn	5 - 20		345	4	0	349	0	-23.0	25.0	190	Tân Phú, Cầm Mỹ, TX Long Khánh, Trảng Bom
Điều	Sâu đục thân, cành	Các giai đoạn	8		417	3	0	420	0	4.0	116.0	17	Cầm Mỹ, Định Quán, Trảng Bom, Thống Nhất
	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	5 - 10		288	0	0	288	0	3.0	14.0	0	Xuân Lộc, Trảng Bom
	Bệnh nấm hồng	Các giai đoạn	16		115	0	0	115	0	3.0	-166.0	0	Cầm Mỹ
Hồ tiêu	Bệnh thán thư	Nuôi trái	5 - 15		987	0	0	987	0	-30.0	198.0	162	Cầm Mỹ, Xuân Lộc, Trảng Bom, Tân Phú, Thống Nhất, Long Thành, Định Quán
	Rệp sáp	Nuôi trái	5 - 13	15 - 21	954	15	6	975	0	68.0	490.0	318	Xuân Lộc, Cầm Mỹ, Trảng Bom, Định Quán, TX Long Khánh, Tân Phú
	Bệnh chết chậm	Nuôi trái	3 - 8	15 - 22	850	4	100	954	0	7.0	257.0	415	Cầm Mỹ, Xuân Lộc, Trảng Bom, Tân Phú, TX Long Khánh, Thống Nhất, Định Quán
	Bệnh tuyến trùng	Nuôi trái	5 - 8	22	251	38	4	293	0	-12.0	-212.0	100	Trảng Bom, TX Long Khánh, Thống Nhất
	Bệnh chết nhanh	Nuôi trái	2 - 5	4 - 15	123	2	4	129	0	-24.0	-192.0	48	Cầm Mỹ, Thống Nhất, Trảng Bom, Tân Phú, Xuân Lộc

Sắn (Mi)	Bọ phân	37-87 ngày	5		412	0	0	412	0	36.0	412.0	0	Long Thành, Xuân Lộc
	Bệnh vi khuẩn	Nuôi củ	3 - 10		349	0	0	349	0	-32.0	18.0	100	Xuân Lộc, Long Thành, Trảng Bom
	Khảm lá virus	Các giai đoạn	3 - 30	80 - 100	48,4	103,8	169,3	321,5	0	-6.7	321.5	0	Vĩnh Cửu, Định Quán, Xuân Lộc, Trảng Bom
	Bệnh thán thư	Phát triển củ	12		170	0	0	170	0	-30.0	170.0	0	Nhon Trạch
	Đốm nâu	Nuôi củ	5		130	0	0	130	0	-50.0	-20.0	50	Long Thành
Ngô (Bắp)	Sâu xám	Cây con	3 - 9		27	0	0	27	0	8.0	-17.0	0	Cẩm Mỹ, Định Quán, Trảng Bom
	Rệp ngô	Cây con	8 - 15		11	0	0	11	0	2.0	-2.0	9	Thống Nhất, Trảng Bom
	Đốm lá lớn	Phát triển lá	10		8	0	0	8	0	2.0	-12.0	8	Thống Nhất
Lúa	Ốc brou vàng	Mạ-đẻ nhánh	1 - 30	15 - 20	745	0	30	775	0	-75.0	19.0	364	Xuân Lộc, Định Quán, Tân Phú, Vĩnh Cửu, TX Long Khánh, Trảng Bom, Thống Nhất
	Bệnh đạo ôn lá	Mạ-đẻ nhánh-đòng	5 - 15		209	2	0	211	0	26.0	-391.0	141	Tân Phú, Định Quán, Trảng Bom, Nhơn Trạch, Long Thành, Cẩm Mỹ
	Chuột	Đẻ nhánh-đòng	2 - 5		81	0	0	81	0	3.0	19.0	66	Nhon Trạch, Long Thành, Tân Phú, Vĩnh Cửu
	Bệnh bạc lá (cháy bìa)	Đẻ nhánh	10		80	0	0	80	0	-20.0	-459.0	80	Tân Phú
	Bọ trĩ (bù lạch)	Mạ-đẻ nhánh-đòng	7 - 10		77	0	0	77	0	54.0	61.0	0	Định Quán, Cẩm Mỹ, Trảng Bom
	Sâu đục thân (bông bạc)	Đẻ nhánh-đòng	5		25	0	0	25	0	25.0	14.0	30	Vĩnh Cửu
	Rầy nâu	Đẻ nhánh-đòng	5 - 300		24	0	0	24	0	-11.0	-18.0	19	Vĩnh Cửu, Thống Nhất, Trảng Bom
Bầu bí	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	10 - 20	30	9	1	0	10	0	6.0	-1.0	10	Nhon Trạch, Thống Nhất
	Bọ trĩ	Các giai đoạn	4 - 30		10	0	0	10	0	2.0	3.0	10	Thống Nhất, Nhơn Trạch
Dưa chuột (dưa leo)	Sâu ăn lá	Các giai đoạn	5		23	0	0	23	0	21.0	20.0	3	Nhon Trạch
	Bệnh gỉa srong mai	Các giai đoạn	5 - 10	20	11	2	0	13	0	0.0	13.0	4	Trảng Bom, Nhơn Trạch
	Ruồi đục quả	Các giai đoạn	5 - 10	15	12	0	0	12	0	5.5	7.0	7	Trảng Bom, Nhơn Trạch, Long Thành

Mướp đắng (khổ qua)	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	5 - 15	25	10	0	0	10	0	6.0	7.0	10	Long Thành, Nhơn Trạch
	Ruồi đục quả	Các giai đoạn	5 - 10	15	6	1	0	7	0	-1.5	-5.0	7	Nhơn Trạch, Long Thành
Rau cải ăn lá	Bọ nháy	Các giai đoạn	10 - 20		25	0	0	25	0	10.2	-1.0	16	Tân Phú, Định Quán, Trảng Bom, TP Biên Hòa
	Sâu tơ	Các giai đoạn	10		15	0	0	15	0	-1.0	11.0	15	Định Quán, Vĩnh Cửu, Thống Nhất, Tân Phú
Rau cần nước	Sâu xanh	Các giai đoạn	5		4	0	0	4	0	-1.0	2.0	4	Thống Nhất
Rau mồng tơi	Bệnh đốm mắt cua	Các giai đoạn	12		1	0	0	1	0	0.0	1.0	1	TP Biên Hòa
Rau xà lách	Bệnh hại lá	Các giai đoạn			1	0	0	1	0	1.0	1.0	1	Nhơn Trạch